

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:06/2016/DS-ST
Ngày: 12/9/2016
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Huy Hoàng
Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Nga - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm
Thị Hồng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2016 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải
Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2016/DS-ST ngày
14/01/2016 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 997/2016/QĐST-DS ngày
13/7/2016 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1114/2016/QĐ-PT ngày 12/08/2016
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A; địa chỉ: Số 25 A, phường B, quận C, Thành
phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền là ông T; chức vụ: Trưởng nhóm xử lý nợ -
Ban xử lý nợ và tài sản bảo đảm Miền Bắc và ông Y, sinh năm 1982, chức vụ:
Chuyên viên xử lý nợ - Phòng xử lý nợ Ngân hàng A (Theo văn bản ủy quyền số
3297/2016/UQ-A ngày 26/7/2016).

2. Bị đơn: Ông V, sinh năm 1975 và bà Q, sinh năm 1979; đều trú tại:
thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng.

Ông Y, ông V có mặt.

Bà Q, ông T vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn trình bày: Ngày
16/2/2011, ông V và bà Q đã ký hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 49-2011-
PGDLC/HĐTD-TDH với Ngân hàng A – Chi nhánh Hải Phòng – PGD Lê Chân

(sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 700.000 đồng để thanh toán một phần tiền mua đất tại thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Thời hạn vay là 48 tháng từ ngày 19/2/2011 đến 19/2/2015, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 20,15%/năm và được thay đổi theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Bên vay phải trả nợ gốc và lãi hàng tháng. Ông V, bà Q đã nhận đủ số tiền vay vào ngày 19/2/2011. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng 1.100 m² đất ở và các tài sản trên đất tại thửa số 100, tờ bản đồ số 244-A-4 tại thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB635456 UBND huyện An Lão cấp ngày 28/12/2010 mang tên ông V.

Trong thời hạn đầu vay vốn, ông V, bà Q đã thanh toán được 45.000.000 đồng tiền gốc và một phần tiền lãi cho ngân hàng. Tuy nhiên, từ ngày 31/12/2011, bên vay đã để phát sinh nợ quá hạn gốc, lãi và kéo dài tình trạng chậm trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc, yêu cầu ông V, bà Q trả nợ nhưng ông V, bà Q không chủ động trả nợ cho Ngân hàng.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông V và bà Q:

- Thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng (tính đến ngày 24/9/2015) là: 1.321.295.721 đồng. Trong đó, nợ gốc: 655.000.000 đồng, nợ lãi 666.295.721 đồng.

- Thanh toán cho Ngân hàng tiền nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 25/9/2015 đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm đề nghị phát mại để thu hồi nợ.

- Nếu phát mại tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông V, bà Q vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn là ông V trình bày: Ông và vợ ông là bà Q đã ký hợp đồng tín dụng trung dài hạn và ký hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng, nội dung số tiền vay, mục đích, tài sản bảo đảm cho khoản vay đúng như Ngân hàng đã trình bày. Do làm kinh tế bị thua lỗ nên từ ngày 31/12/2011, vợ chồng ông chưa thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ông thừa nhận số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng là 655.000.000 đồng và nợ lãi theo tính toán của Ngân hàng. Nay ông đề nghị Ngân hàng giảm số nợ lãi, gia hạn nợ cho vợ chồng ông trả dần theo từng năm.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bổ sung số tiền lãi tính đến thời điểm xét xử (ngày 12/09/2016) buộc bị đơn phải trả tổng số tiền là 1.524.729.536 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 655.000.000 đồng,

số tiền nợ lãi trong hạn là: 182.091.331đồng; số tiền nợ lãi quá hạn: 687.638.205đồng.

Bị đơn ông V nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nhất trí với số tiền gốc và lãi. Ông đề nghị Ngân hàng giảm số tiền lãi, dẫn nợ, cho ông trả nợ dần theo từng năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành cơ bản đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là bà Q xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 3/01/2014 không báo rõ cho người thân trong gia đình cũng như Ngân hàng biết về địa chỉ, công việc của mình. Qua ông B (bố đẻ của bà Q) và ông V (chồng của bà Q) cho biết: Bà Q vẫn liên lạc về và gia đình đã thông báo cho bà Q biết về việc Ngân hàng yêu cầu khởi kiện đòi ông V và bà Q trả khoản tiền vay từ năm 2011. Tuy nhiên, bà Q không có ý kiến gì và không cung cấp thông tin địa chỉ nơi ở hiện tại cho người thân để Tòa án để có căn cứ giải quyết vụ án. Như vậy, có thể xác định bà Q đã cố tình giấu địa chỉ, nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Về nội dung khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 49/2011/PGDLC/HĐTD-TD11 ký kết giữa Ngân hàng và ông V, bà Q là đúng pháp luật. Quá trình thực hiện ông V, bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ cần được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông V và bà Q phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi 1.524.729.000đ, nếu bị đơn không trả được số nợ này thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản thế chấp đã được ký kết giữa các bên.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an: Bị đơn là bà Q đã xuất cảnh ngày 03/01/2014 và chưa có thông tin trở về nước. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải phòng theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn là bà Q tại phiên tòa:

Quá trình xác minh tại địa phương và người thân cung cấp: Bà Q đi lao động ở Malayxia không biết địa chỉ cụ thể vì bà Q đi không nói rõ. Như vậy bà Q khi đi khỏi nơi cư trú không thông báo địa chỉ nơi cư trú cho người thân, cho Ngân hàng, trong khi đó khoản nợ của vợ chồng bà từ năm 2011. Thời

điểm bà Q có mặt ở nhà Ngân hàng đã thông báo về việc quá hạn trả nợ theo hợp đồng, bà Q đã biết việc vợ chồng bà chậm trả nợ ngân hàng. Quá trình giải quyết Tòa án được biết bà Q vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại về gia đình nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng về thụ lý, hòa giải, xét xử thông qua ông B (bố đẻ), ông V (chồng) bà Q và những người này đã thông báo cho bà Q biết việc khởi kiện của Ngân hàng, nhưng bà Q không có ý kiến gì và không thông báo lại địa chỉ hiện tại đang cư trú. Như vậy bà Q đã cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án vẫn tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung đúng quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là bà Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự,

2. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A:

Hợp đồng tín dụng số 49-2011-PGDLC/HĐTD-TDH ngày 16/02/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 49-2011/PDGLC/HĐTCTS ngày 16/02/2011 giữa Ngân hàng A với vợ chồng ông V, bà Q đã được hai bên tự nguyện thỏa thuận ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền. Hợp đồng thế chấp cũng đã được công chứng, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất. Về hình thức, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên nên buộc các bên phải thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giải ngân số tiền cho vay, ông V, bà Q đã nhận đủ số tiền vay 700.000.000 đồng và đã trả được số tiền gốc là 45.000.000 đồng và một phần tiền lãi. Từ ngày 31/12/2011, bên vay đã để phát sinh nợ quá hạn gốc, lãi và kéo dài tình trạng chậm trả nợ. Như vậy ông V, bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng và làm phát sinh nợ quá hạn.

Từ những phân tích nêu trên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận, buộc ông V, bà Q phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ, trong đó nợ gốc: 655.000.000 đồng, nợ lãi: 869.729.536 đồng (tính đến ngày xét xử) theo quy định tại Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự.

Xử lý tài sản bảo đảm: Tài sản thế chấp là diện tích 1.100 m² đất ở và các tài sản trên đất tại thửa số 100, tờ bản đồ số 244-A-4 tại thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng mang tên ông V. Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp có sự thay đổi như sau: Năm 2012, ông V đã xây mới thêm phần công trình nhà ở phía sau diện tích khoảng 50m² bao gồm: 01 phòng ngủ, 01 nhà bếp, 01 công trình phụ. Phần xây mới thêm này do ông V tự bỏ chi phí ra xây và sử dụng. Ngân hàng và ông V đã thống nhất thỏa thuận không phải định giá tài sản xây mới này mà phần tài sản này vẫn thuộc tài sản thế chấp. Căn cứ

các điều khoản trong hợp đồng và căn cứ Điều 342, Điều 343, 348, 349, 355 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng; nếu ông V và bà Q không trả được khoản nợ thì phát mại tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

Nếu phát mại tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông V, bà Q vẫn phải tiếp tục trả nợ và phải thanh toán cho Ngân hàng tiền nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tuyên án đến khi thanh toán xong khoản nợ .

Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 18, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án ngày 27/02/2009. Buộc ông V, bà Q phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 37; Điều 144, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 281, Điều 290, Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 715 , Điều 342, Điều 343, Điều 355 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010 ngày 16/06/2010.

- Áp dụng các Điều 18, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH khoá 12 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 12 ban hành ngày 27/02/2009.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A:

Buộc ông V, bà Q phải trả cho Ngân hàng A số tiền: 1.524.729.536 (một tỉ năm trăm hai mươi tư triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn năm trăm ba sáu) đồng, bao gồm: tiền gốc: 655.000.000đồng, tiền lãi (tính đến ngày 12/9/2016) gồm lãi trong hạn là: 182.091. 331 đồng; lãi quá hạn là: 687. 638.205đồng.

Ông V và bà Q phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận của hai bên theo nội dung hợp đồng tín dụng số 49-2011-PGDLC/HĐTD-TDH ngày 16/02/2011 kể từ ngày xét xử (12/9/2016) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp ông V và bà Q không trả được tổng số tiền nợ trên, phát mại tài sản: Quyền sử dụng diện tích 1.100 m² đất ở và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại thửa số 100, tờ bản đồ số 244-A-4 tại thôn A, xã A, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 635456,

số vào sổ cấp CH 00112/AL do UBND huyện An Lão cấp ngày 28/12/2010 cho ông V.

Nếu phát mại tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho ngân hàng thì ông V, bà Q vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A đến khi trả đủ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng A không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ngân hàng A số tiền 25.800.000 (hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0014795 ngày 21/10/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Ông V, bà Q phải nộp 57.742.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Bà Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ hay niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, tự nguyện, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện An Lão, TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Thủy